TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2020/DS-ST. Ngày 22-7-2020. V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và góp hụi.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Hoài Hiêm;
Ông Trần Ái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLST-DS ngày 07/02/2020 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị A, sinh năm 1976- Có mặt.
- *Bị đơn:* Chị Võ Thị B, sinh năm 1978- Vắng mặt, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.
- *Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 - Vắng mặt, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Các đương sự địa chỉ: Ấp D, xã E, thị xã F, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:

Chị và chị B, anh C không có bà con dòng họ gì cả chỉ là chổ quen biết do gần nhà nhau. Vào ngày 20-10-2017 (AL) chị có cho B vay số tiền 30.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy tay do chị viết và chị B ký tên, không thỏa thuận lãi suất, hẹn mấy ngày sau sẽ trả nên không ghi vào giấy. Đến tháng 12-2017 (AL) không nhớ ngày nào, chị B có trả cho chị được số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 27.000.000 đồng đến nay. Lúc vay tiền và lấy tiền là chị B trực tiếp hỏi vay và nhận tiền, lúc vay chồng chị B có biết hay không thì chị không

rõ, nhưng sau này chị lên đòi tiền có gặp chồng chị B và chồng chị B cũng có hẹn trả nợ cho chị.

Ngoài ra, năm 2017 chị có tham gia chơi 01 dây hụi 3.000.000 đồng do chị B làm chủ, hụi mở ngày 10-6-2017, mãn hụi ngày 10-7-2019 hụi gồm 25 phần, chị tham gia 01 phần đóng hụi sống được 5 lần vốn đóng là 10.400.000 đồng, quy ra hụi chết là 15.000.000 đồng. Đến tháng 10-2017, chị B tuyên bố ngưng hụi đến ngày 15-10-2017 chị B có làm giấy nợ chị số tiền hụi 15.000.000 đồng, giấy do chị B tự viết và ký tên, sau đó chị B trả góp dần cho chị tổng cộng được 12.500.000 đồng, rồi ngưng trả đến nay. Việc chị B làm chủ hụi chồng chị B cũng biết.

Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu chị B và anh C trả cho chị số tiền vay 27.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20-12-2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền hụi chị yêu cầu chị B và anh C trả số tiền 2.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Nay chị thay đổi yêu cầu của mình như sau: Chị không yêu cầu chị B, anh C trả số tiền hụi 2.500.000 đồng; chị chỉ yêu cầu một mình chị B trả số tiền vay 27.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ tính ngày 20-12-2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; không yêu cầu anh C cùng trả số tiền trên.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị B trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Thừa nhận, chị có vay tiền của chị A số tiền 30.000.000 đồng như lời chị A trình bày là đúng và chị đã trả cho chị A được số tiền 3.000.000 đồng nhưng trả ngày nào chị không nhớ, nhớ trả vào tháng 12 nhưng không nhớ năm nào, việc trả tiền không có làm giấy. Khi chị vay tiền chồng chị không biết, chỉ có một mình chị đi hỏi vay chị A và nhận tiền. Chị vay tiền này để cho người khác vay lại. Hiện chị còn nợ lại chị A số tiền 27.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị A có tham gia chị 01 phần hụi tháng 3.000.000 đồng do chị làm chủ hụi như lời chị A trình bày là đúng và chị có làm giấy nợ chị A 15.000.000 đồng tiền hụi, chị đã trả được 12.500.000 đồng, còn nợ lại 2.500.000 đồng. Việc chị làm chủ hụi chồng chị không biết vì mọi hoạt động chi tiêu trong gia đình đều do chị quản lý.

Nguyện vọng: Chị đồng ý trả cho chị A số tiền vay 27.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20-12-2017 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Còn phần tiền 2.500.000 đồng tiền hụi chị không đồng ý trả do vốn đóng hụi chỉ có 10.400.000 đồng, chị đã trả hơn vốn đóng nên chị không đồng ý trả thêm. Việc vay tiền và chơi hụi là một mình chị làm nên một mình chị nhận trả, chứ chị không yêu cầu chồng cùng trả.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Anh là chồng của chị B. Trước đây chị B có làm chủ hụi nhưng cụ thể thì anh không biết. Việc chị B vay tiền của chị A anh không biết, sau này có mấy lần chị A đến nhà đòi tiền thì anh mới biết. Hiện anh và chị B vẫn đang sống chung nhà, mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị B lo. Về việc chị A kiện vợ chồng anh yêu cầu trả số tiền vay 27.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ

ngày 20-12-2017 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm thì anh có cùng ý kiến và nguyện vọng như vợ anh là chị B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A.

- Buộc chị Võ Thị B có trách nhiệm trả cho chị A số tiền 27.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20-12-2017 đến nay.
- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện cuả chị A đối với số tiền hụi 2.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị B và anh Nguyễn Văn C vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh C là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét việc thay đổi đổi bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị A nhận thấy: Tại đơn khởi kiện chị A yêu cầu chị B, anh C trả số tiền hụi còn nợ là 2.500.000 đồng, yêu cầu chị B và anh C trả cho chị số tiền vay 27.000.000 đồng yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20-12-2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Nay chị A xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi và đối với số tiền vay chị thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh C trả số tiền vay trên. Xét thấy, việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu của chị A không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố Tụng Dân sự do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung: Thực tế, chị B và chị A thống nhất xác định vào ngày 20-10-2017 (AL) chị B có vay của chị A số tiền 30.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy tay do chị A viết và chị B ký tên, không thỏa thuận lãi suất, hẹn mấy ngày sau sẽ trả nên không ghi vào giấy. Đến tháng 12-2017 (AL) không nhớ ngày nào, chị B có trả cho chị được số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 27.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất. Như vậy, đối với giao

dịch dân sự giữa chị A và chị B là hợp đồng vay xác định thời hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[3.1] Xét yêu cầu của chị A đối với số tiền gốc: Trong giấy mượn tiền ngày 20-10-2017 (AL) không thể hiện ngày hẹn trả, nhưng hai bên cũng thừa nhận rằng số tiền này chị B vay cho người khác vay lại, hẹn vài ngày sẽ trả lại tiền. Sau đó người vay tiền của chị B không trả nên chị không trả được cho chị A; chị A đã nhiều lần đến gặp chị B yêu cầu trả tiền. Đến tháng 12-2017 (AL) chị B có trả được 3.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại số tiền 27.000.000 đồng đến nay. Nhận thấy, do chị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 27.000.000 đồng cho chị A theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất của chị A: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận: Tuy trong giấy vay tiền không có ghi lãi suất nhưng do số tiền vay đã quá lâu nên chị B đồng ý trả tiền lãi cho chị A theo quy định pháp luật từ ngày 20-12-2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nên ghi nhận. Về mức lãi suất, theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 01 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lãi suất là 10%/ năm. Về thời gian trả lãi chị A yêu cầu cầu tính lãi từ ngày 20-12-2017 đến khi vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Số tiền gốc 27.000.000 đồng tính lãi 10%/năm từ ngày 20-12-2017 đến 22-7-2020 = 31 tháng 02 ngày x 0,833%/tháng x 27.000.000 đồng= 6.990.000 đồng.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 227, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 01 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A.

- Buộc chị Võ Thị B có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị A số tiền 33.990.000 (ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị A đối với số tiền nợ hụi 2.500.000 đồng.

2. Về án phí:

- Buộc chị Võ Thị B phải chịu số tiền 1.699.500 (một triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại chị Lê Thị A số tiền 912.000 (chín trăm mười hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017906 ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

3. Quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị B, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy